

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2018/HSST

Ngày: 21-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Vân- Nguyên giáo viên trường THPT Thủ Khoa Thù

2. Bà Đặng Thị Thanh Hà- Giáo viên trường THPT Thủ Khoa Thù

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/HSST ngày 06/4/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 04/5/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Gia B** (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 27/01/1999; Nơi đăng ký NKTT: Ấp 5, xã N, huyện B, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Long An; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Lê Văn G, sinh năm 1970; Mẹ: Lê Thị Huyền T, sinh năm 1975; Có 01 người anh tên Lê Bảo H, sinh năm 1994.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 12/5/2016, bị Công an xã N xử phạt 375.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt).

Bị tạm giữ sau đó tạm giam từ ngày 26/01/2018 cho đến nay.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Nguyệt H, sinh ngày: 13/12/1999; Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1963, Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phạm Quốc T, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Ấp B, xã Q, huyện C, tỉnh L; (có mặt)

Người đại diện hợp pháp cho Phạm Quốc T: bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1980, Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L; (vắng mặt không lý do)

2. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Anh Phạm Thanh P, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L; (vắng mặt không lý do)

4. Bà Lê Thị Huyền T, sinh năm: 1975, Nơi cư trú: xã H, huyện C, tỉnh L; (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Gia B và Nguyễn Thị Nguyệt H có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau. Khoảng tháng 10/2017 B hỏi mượn chiếc xe mô tô biển số 62K1-294.87 của Huế để đi đến thành phố T uống cà phê (chiếc xe mô tô này do Nguyễn Thị Nguyệt H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký). Sau khi mượn được xe, do cần tiền tiêu xài và trả nợ, B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe nên B đem chiếc xe mô tô 62K1-294.87 đến Phường 2, thành phố T cầm cho một người đàn ông (không rõ nhân thân) với giá 3.000.000đ. Cầm được vài ngày, B chuộc lại chiếc xe đem cầm cho anh Phạm Quốc T với giá 5.000.000đ. Sau đó, B gặp anh T xin cầm thêm 6.000.000đ. Do trước đó B đã thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 62K1-294.87 và giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nguyệt H cho anh Mai Công D ngụ Ấp 5, xã N, huyện B (là quản lý tiệm internet Minh Trí) với giá 1.000.000đ để chơi game nên anh T đến gặp anh D để trả 1.000.000đ và lấy lại giấy chứng nhận đăng ký xe cùng giấy chứng minh nhân dân. Sau khi cản trở, anh T tiếp tục đưa thêm cho B 5.000.000đ. Ngày 10/01/2018, anh Phạm Quốc T gặp anh Nguyễn Thanh T1 mượn 10.000.000đ và thế chấp cho anh Tuấn chiếc xe mô tô 62K1-294.87 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe. Toàn bộ số tiền cầm xe, B sử dụng vào việc trả nợ, đá gà qua mạng và

tiêu xài cá nhân hết. Sau khi biết chiếc xe mô tô 62K1-294.87 đã bị Lê Gia B đem cầm cố, chị Nguyễn Thị Nguyệt H đã nhiều lần yêu cầu B trả lại xe nhưng Lê Gia B không tiền chuộc lại xe để trả cho chị H.

Ngày 19/11/2017, chị H đến nhà B chơi B tiếp tục hỏi mượn điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB của chị H để sử dụng. Sau khi mượn được điện thoại, do cần tiền tiêu xài và trả nợ, B đem điện thoại của H đến cửa hàng điện thoại M của anh Phạm Thanh P cầm với giá 3.000.000đ. Khoảng 13 giờ ngày 24/11/2017, B gặp anh P xin cầm thêm 1.000.000đ. Đến chiều tối cùng ngày, B bán điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB đã cầm với giá 4.700.000đ, anh P đồng ý mua nên đưa thêm cho B 700.000đ, sau đó anh P đã bán lại điện thoại cho người khác. Số tiền bán điện thoại di động của chị H, B tiêu xài hết. Ngày 27/11/2017, ông Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Thị Nguyệt H đến Công an huyện B trình báo sự việc. Sau khi chiếm đoạt chiếc xe 62K1-294.87 và điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB của chị Nguyễn Thị Nguyệt H, Lê Gia B bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 26/01/2018, Lê Gia B bị Cơ quan điều tra Công an huyện B bắt giữ và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại kết luận định giá tài sản số 977/KL.ĐGTS ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận chiếc xe mô tô biển số 62K1-294.87 trị giá 17.843.000đ; điện thoại di động iPhone 6 Gold 32GB trị giá 8.990.000đ. Tổng giá trị tài sản của chị Nguyễn Thị Nguyệt H là 26.833.000đ.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện B có thu giữ tang vật của vụ án gồm:

Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Luvias, màu sơn đen vàng, biển kiểm 62K1-294.87; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nguyệt H. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Nguyệt H. Riêng điện thoại di động iPhone 6 Gold 32GB không thu hồi được.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Lê Gia B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Lê Gia B về tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” . Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, thì việc áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có lợi cho người phạm tội so với Bộ luật Hình sự năm 2015).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong phần luận tội đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, h, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều: 33 và 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Lê Gia B từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và đã được bồi thường giá trị của điện thoại di động bị chiếm đoạt không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999 và Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015. Buộc Lê Gia B phải bồi thường cho anh Phạm Quốc T 9.000.000 đồng.

Về vật chứng: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Luvias, màu sơn đen vàng, biển số 62K1-294.87; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nguyệt H. Hiện Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Nguyệt H là có căn cứ.

Đối với anh Phạm Quốc T, Nguyễn Thanh T1 là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô 62K1-294.87 và anh Phạm Thanh P là người đã mua điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB cho Lê Gia B. Tuy nhiên, anh T, T1, P không biết tài sản trên là do Lê Gia B phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo không tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở khẳng định: Khoảng tháng 10 năm 2017 và ngày 19/11/2017 bị cáo Lê Gia B mượn xe mô tô biển số 62K1-294.87 và điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB của chị H để sử dụng, tuy nhiên sau khi nhận được tài sản do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo B đã cầm xe và bán điện thoại di động của chị H, sau đó bị cáo B bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 26/01/2017 thì bị cáo bị bắt và đã khai nhận hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt được định giá 26.833.000đ.

[2] Bị cáo là người có nhân thân không tốt, đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nay mượn tài sản của chị H rồi cầm cố và bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa XIV, thì Viện kiểm sát nhân dân huyện B tỉnh Long An áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự năm 1999 để truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo phạm tội nhiều lần nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại bãi nại. Đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Phạm Quốc T yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 9.000.000 đồng mà anh T đã cầm xe cho bị cáo, hiện tại bị cáo chưa bồi thường cần buộc bị cáo bồi thường cho anh T. Anh Nguyễn Thanh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày đã nhận đủ 10.000.000 đồng của anh Phạm Quốc T nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu hai bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện B có thu giữ một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại: Luvias, màu sơn đen vàng, biển số 62K1-294.87; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nguyệt H. Cơ quan điều tra Công an huyện B đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Nguyệt H. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chị H của Cơ quan điều tra Công an huyện B là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với anh Phạm Quốc T, Nguyễn Thanh T1 là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô 62K1-294.87 và anh Phạm Thanh P là người đã mua điện thoại di động hiệu iPhone 6 Gold 32 GB cho Lê Gia B. Tuy nhiên, anh T, T1, P không biết tài sản trên là do Lê Gia B phạm tội mà có nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lê Gia B phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, h, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều: 33, 42 và 45 của Bộ luật hình sự năm 1999; các Điều: 585 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Gia B 01 (một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 26/01/2018).

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm B thi hành án.

Buộc bị cáo Lê Gia B có nghĩa vụ trả cho anh Phạm Quốc T 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) tiền cầm xe.

Từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Gia B phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (có mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2018). Riêng bà Nguyễn Thị Kim P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tuấn